**TẬP TÀI LIỆU**

**MÔN - Pháp luật Tài chính**

**GV: TS Nguyễn Thị Thuận**

**Nội dung môn học**

Phần I: Tổng quan về tài chính, hoạt động tài chính và pháp luật tài chính

Phần II:

**NỘI DUNG I. Nhập môn Luật tài chính công- Pháp luật về ngân sách nhà nước**

1. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
2. PHÁP LUẬT VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
3. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

NỘI DUNG II. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ NSNN

Chương 1: Tổ chức hệ thống NSNN

Chương 2: Phân cấp quản lý NSNN

Chương 3: Chu trình ngân sách nhà nước

Chương 4: Pháp luật các khoản thu NSNN

Chương 5: Pháp luật về các khoản chi NSNN

Chương 6: Pháp luật về quản lý quỹ NSNN

Chương 7: Pháp luật về kiểm toán, kiểm tra, thanh tra và giám sát tài chính, xử lý vi phạm trong lĩnh vực NSNN.

NỘI DUNG III. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CÁC SẮC THUẾ

Chương 8: Pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Chương 9: Pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt

Chương 10. Pháp luật về thuế giá trị gia tăng

Chương 11: Pháp luật về thuế thu nhập

Chương 12: Pháp luật về thuế đất đai

Chương 13: Pháp luật về các loại thuế khác

Chương 14: Pháp luật quản lý thuế

**Phần III: Nhập môn pháp luật về tài chính doanh nghiệp**

**Phần IV: Nhập môn về pháp luật tài chính khu dân cư**

**Phần V: Nhập môn pháp luật về thị trường tài chính**

**Học liệu bắt buộc**

1. **Giáo trình:**
2. Giáo trình: do giáo viên giảng dạy biên soạn
3. Tìm hiểu Luật TÀI CHÍNH- TS. Võ Đình Toàn- NXB Tư pháp- 2012.

II. **Các văn bản pháp luật:**

1. **Hiến pháp** năm 1992, sửa đổi năm năm 2002; Hiến pháp năm 2013

**2.** **Luật Ngân sách Nhà nước:**

- Luật NSNN Quốc Hội ngày 16/12/2002 có hiệu lực 1.1.2004;

- Luật số 83/2015/QH13 của Quốc hội có hiệu lực ngày 1.1.2017

**3. Luật về Thuế:**

* Luật thuế GTGT 2008, sửa đổi bổ sung năm 2013, Nghị định 209 ngày18/12/2013,
* Luật thuế tiêu thụ đặc biệt 1990, sửa đổi 1998, sửa đổi 2003, sửa đổi 2005, sửa đổi 2008,
* Luật thuế xuất khẩu - nhập khẩu năm 1991, sửa đổi 1993, sửa đổi 1998, thay thế 2005

- Luật thuế thu nhập:

+ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp: Được Quốc Hội Thông qua lần đầu vào 27/12/1990 có hiệu lực ngày 1/4/1991. Qua 7 lần sửa đổi, thay thế: Lần 1 năm 1992, lần 2 năm 1993, lần 3 năm năm 1994, lần 4 năm 1997, lần 5 năm 1999, lần 6 năm 2001, lần 7 năm 2004. Năm 2008 ban hành Luật mới thay thế Luật 2004.

Đến năm 2013, Quốc hội Ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN - Luật số 32/2013/QH13 của Quốc hội;

+ Luật thuế thu nhập cá nhân

- Luật sửa đổi các luật thuế 2014.

- Luật quản lý thuế 2006, sửa đổi 2013;

- Luật Kiểm toán Nhà nước - số 81/2015/QH13 của Quốc hội;

**2.3. Tài chính doanh nghiệp:**

- Luật doanh nghiệp 1999, 2005, 2014;

- Luật kế toán 2003;

**-**  Luật Phí và lệ phí - Luật số 97/2015/QH13 của Quốc hội;

**2.4. Tài chính khu dân cư:**

* Luật hôn nhân gia đình và các văn bản dưới luật

**2.5. Thị trường Tài chính:**

* Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản dưới luật
* Luật chứng khoán và các văn bản dưới luật.

**III. Học liệu tham khảo:**

1. Tìm hiểu Luật Tài chính – Võ Đình Toàn (chủ biên ) NXB Tư pháp- Hà Nội 2012;

2.Những định hướng cơ bản về hoàn thiện pháp luật thuế nước ta hiện nay- Võ Đình Đoàn- Tạp chí Luật học- Đại học Luật HN- số 3-2002

3. TS. Nguyễn Lan Hương:

* Quản lý ngân sách địa phương và thực hiện quyền sở hữu toàn dân- Hội thảo, chính quyền địa phương tháng 10/2008;
* Hoàn thiện pháp luật tài chính công nhằm thực hiện chính sách quản lý nợ công- Nghiên cứu lập pháp- số tháng 3/2015;
* Một số khía cạnh pháp lý về phân định thẩm quyền thu ngân sách NN ở VN- Tạp chí KH- Đại học QGHN- số 28.85.944.

4. Thạc sĩ Phạm Thị Thanh Vân: Một số giải pháp hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý ngân sách ở VN- Tạp chí TTTC tiền tệ số 4/2008

**PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH, HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VÀ PHÁP LUẬT VỀ TÀI CHÍNH**

**Yêu cầu:**

+ Sinh viên nắm chắc, thuộc các khái niệm cơ bản về tài chính, pháp luật về tài chính

+ Hiểu và diễn giải được mối quan hệ giữa luật tài chính với các khoa học pháp luật khác.

**I. Những vấn đề chung về Tài chính**

1.1. Nguồn gốc Tài chính:

* Thời kỳ tự cung tự cấp – hàng đổi hàng
* Thời kỳ tan rã của chế độ nguyên thủy: quan hệ cho vay nặng lãi- hình thức sơ khai của TC
* Thời kỳ hiện đại:

\* Tiền tệ là đối tượng chủ yếu trong các QH phân phối của ĐS XH dùng:

+ trả công cho lao động

+ là đối tượng của quan hệ cho vay TS

+ là đối tượng của thuế thu nhập dân cư

\* Quan hệ giữa hệ tài chính với tiền tệ và nhà nước

Có 2 quan điểm:

Nhóm 1. Tiền tệ là tiền đề ra đời và tồn tại của TC – tài chính xuất hiện trước NN- NN là nhân tố thúc đẩy sự đa dạng hóa, sự PT của TC.

Nhóm 2. Tiền tệ và NN là 2 ĐK có tính chất tiền đề song song cho sự ra đời của TC

Tựu chung, TC ra đời do:

* Xuất hiện của nền SX hàng hóa
* Xuất hiện của đồng tiền
* Xuất hiện của Nhà nước ( vai trò phân phối của cải Xh = bằng quyền lực – các chính sách thuế)

**1.2. Khái niệm về Tài chính**

**- L**à tổng hợp các quan hệ phân phối dưới hình thái giá trị mà nó phát sinh trong quá trình tạo lập, quản lý, sử dụng các nguồn vốn tiền tệ trong xã hội; theo nghĩa rộng

- Bao gồm các quỹ tiền tệ được hình thành trong quá trình thành lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ nhất định của Nhà nước để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Nhà nước (tài chính công), theo nghĩa hẹp

**Ví dụ 1:**

Ông A có thu nhập tiền lương 20 triệu/1 tháng => Ông A phải nộp thuế cho Nhà nước => Như vậy là có sự phân phối, di chuyển tiền tệ (tài chính)

=> Tài chính công.

 Nhà nước sử dụng tiền được đóng từ thuế phục vụ nhu cầu, lợi ích, phúc lợi xã hội như:

+Xây dựng cơ bản các công trình cơ sở hạ tầng

+ Phát triển VH – XH

+ Quản lý Nhà nước

=> Đây chính là quan hệ phân phối tiền tệ

**Ví dụ 2:**

Ông A cần có một nguồn tiền chuẩn bị cho con đóng tiền học, ông đã bán vườn hồ tiêu đang sắp đến kỳ thu hoạch cho ông B.

Số tiền thu được A dùng 1 phần đóng học cho con, phần còn lại mua hồ tiêu để bán kiếm lời

A đã tạo ra giá trị của đồng tiền từ nguồn vốn ban đầu

**Ví dụ 3:**

A không có tiền, nhưng có ý tưởng về một dự án khả thi và số vốn cần cho dự án này là khoảng 2 tỷ đồng. Trong khi đó, B có một khoản tiền dư thừa là 1 tỷ đồng mà không biết đầu tư vào việc gì.

A là đại diện cho các chủ thể cần quỹ.

B là đại diện cho chủ thể dư quỹ.

Nếu kết hợp, A có thể vay của B để thực hiện một hạng mục trong dự án của mình. Số tiền lãi thu được sau khi trừ đi chi phí sẽ chia cho B một phần.

*Nguồn lực khan hiếm đã tìm được nguồn lực dư thừa tạo ra nguồn Vốn*

**Một cách tổng quát:** *Tài chính là tổng hợp các quan hệ kinh tế, trong đó diễn ra việc dịch chuyển các nguồn lực khan hiếm thông qua việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ.*

Trong đó:

- Nguồn lực khan hiếm: Là những nguồn lực hữu hạn, không đủ cho tất cả mọi người dẫn đến tình trạng có người dư thừa và có người thiếu hụt

- Quỹ tiền tệ: Được hiểu đơn giản là các khoản tiền và vốn.

Mà, theo đó:

+ quỹ ngắn hạn thì gọi là tiền

+ vốn là quỹ dài hạn

* 1. **Mục tiêu của tài chính**

Mục tiêu của tài chính là tạo ra giá trị.

Ví dụ:

1. A đầu tư vốn để cho con đi học có việc làm để nuôi sống bản thân.

2. C mua cá về nuôi ăn, nhân giống, bán, ….

3. Kế hoạch 2017, Chính phủ Việt Nam chi 15% GDP cho phát triển giáo dục tạo ra sản phẩm giáo dục phục vụ xã hội

**1.4. Chức năng của tài chính**

1.4.1. Chức năng phân phối

là sử dụng các quỹ tiền tệ với các mục đích nhất định, phân phối dưới hình thức giá trị.

Bao gồm phân phối lần đầu và phân phối lại

1.4.2. Chức năng giám đốc

Là kiểm tra việc hình thành và sử dụng các nguồn vốn có phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Gắn chặt với chức năng phân phối

Với ý nghĩa rộng lớn hơn, chức năng này là kiểm tra toàn bộ nền kinh tế, đánh giá nhu cầu cân đối vốn.

VD; Kiểm tra hoạt động tài chính của DN thông qua thu thuế.

**Tại Nhật**: Tc có 3 chức năng ( phân phối nguồn TC, tái phân phối thu nhập, điều chỉnh KT)

**1.5. Phân loại:**

+ Tài chính công: Là tổng hợp các quan hệ phân phối dưới hình thái giá trị mà nó phát sinh trong quá trình tạo lập, quản lý, sử dụng các nguồn vốn tiền tệ của Nhà nước.

+ Tài chính tư: Là tổng hợp các quan hệ phân phối dưới hình thái giá trị mà nó phát sinh trong quá trình tạo lập, quản lý, sử dụng các nguồn vốn, tài sản của tư nhân

Tư nhân: là của riêng một chủ thể nào đó: cá nhân, hộ gia đình, Tổ chức phi chính phủ…

VD: Doanh nghiệp A mới thành lập, vốn được huy động từ những người sáng lập doanh nghiệp. Trong quá trình kinh doanh muốn tăng vốn bằng cách: kêu gọi đầu tư hoặc vay vốn…

**1.6. Hệ thống tài chính**

Là tập hợp những nhóm (phạm vi) quan hệ tài chính hay các khâu tài chính khác nhau trong việc tạo lập, quản lý và sử dụng những quỹ và những nguồn vốn tiền tệ nhất định.

**1.7. Hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay**

**Gồm 5 khâu:** Ngân sách Nhà nước; Tín dụng; bảo hiểm; tài chính DN; tài chính các tổ chức phi KD; và tài chính dân cư và chia thành 3 mảng lớn: Tài chính NN; Tài chính DN ; Tài chính khu dân cư

Thời bao cấp, nhà nước tham gia vào tất cả các khâu trừ tài chính dân cư.

**1.7.1.Tài chính Nhà Nước ( ngân sách nhà nước)**

A, Ngân sách Nhà nước: khâu trung tâm, quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của Nhà nước. Bao gồm các quan hệ tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, quản lý, sử dụng quỹ NSNN

B, Các quỹ tài chính tập trung (quỹ bảo hiểm hình thành từ khoản nộp phí của các chủ thể tham gia bảo hiểm và dùng để bồi thường thiệt hại hoặc trả tiền bảo hiểm)

C, Tín dụng: các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi tập trung lại hình thành các quỹ tín dụng. Kinh doanh tín dụng với nguyên tác hoàn trả gốc và lãi đúng thời hạn. Đây là khâu chắp nối các khâu của hệ thống tài chính.

1.7.2. **Tài chính doanh nghiệp**: là khâu cơ sở của hệ thống tài chính gồm các quan hệ tài chính gắn liền với việc sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp bao gồm:

1. Doanh nghiệp
2. Các trung gian tài chính

**1.7.3. Tài chính hộ gia đình**: hình thành từ thu nhập của các thành viên để sử dụng, tiêu dùng, đóng thuế, đầu tư…

Bao gồm:

a, tổ chức xã hội nghề nghiệp

b, Hộ gia đình, cá nhân

**2. Hoạt động Tài chính**

Hoạt động tài chính là hoạt động tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ.

***2.1. Hoạt động tài chính của Nhà nước***

Khái niệm: Hoạt động tài chính của Nhà nước là hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tập trung, phân phối và sử dụng một cách có kế hoạch các quỹ tiền tệ nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng và an ninh

thể hiện trên hai phương diện: Nhà nước:

-Thông qua các cơ quan của mình trực tiếp tham gia vào quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các nguồn tiền tệ

- Tổ chức, hướng dẫn các hoạt động tài chính bằng:

+ hoạch định các chính sách, phương hướng hoạt động tài chính, tiền tệ,

+ xây dựng các thiết chế và định chế liên quan đến hoạt động tài chính,

+ thiết lập khung khổ pháp lý, hành lang an toàn cho hoạt động tài chính của mọi chủ thể tham gia vào thị trường tài chính, tiền tệ

***2.2. Nguyên tắc cơ bản của hoạt động tài chính Nhà nước***

2.2.1. Nguyên tắc pháp chế

là toàn bộ hoạt động tài chính ( quá trình hình thành phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ ) đều được thể chế hóa bằng các quy phạm pháp luật tài chính và được đảm bảo thực hiện bằng sự cưỡng chế của Nhà nước

2.2.2. Nguyên tắc công khai

Nguyên tắc này mang tính chất bắt buộc, quan trọng và đặc thù trong hoạt động tài chính,đảm bảo tính dân chủ trong quản lý, thu chi tài chính, tránh tình trạng tham những và lãng phí.

**Câu hỏi:** *Tại sao nguyên tắc công khai đóng vai trò quan trọng và thể hiện tính đặc thù trong hoạt động tài chính?*

2.2.3. Nguyên tắc kế hoạch

Nguyên tắc này thể hiện ở chỗ hoạt động tài chính của Nhà Nước dựa trên cơ sở các văn bản kế hoạc tài chính. Tính kế hoạch được thể hiện trên cả phạm vi rộng lớn ngoài phạm vi hoạt động tài chính ( trong phạm vi mối quan hệ giữa hoạt động tài chính và các hoạt động kinh tế-xã hội khác)

***2.3. Vai trò của nhà nước trong lĩnh vực TC***

Điều 26 Hiến pháp 1992 ghi nhận, nhà nước thống nhất quản lý nền kinh tế quốc dân bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách

Tại Hiến pháp năm 2013 không nêu cụ thể các thành phần kinh tế như Hiến pháp năm 1992, cách thể hiện này phù hợp với tính chất, nội dung quy định của một đạo luật gốc. Về tên gọi và vai trò của từng thành phần kinh tế sẽ được quy định tại các đạo luật chuyên ngành và các chính sách cụ thể khác của nhà nước thì sẽ phù hợp và chính xác hơn.

Khoản 1 Điều 51 Hiến pháp năm 2013 quy định: “1. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. 2. Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật.” Điều đó thể hiện rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước về các thành phần kinh tế là chủ thể của nền kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, tự do kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh theo quy định của pháp luật, chứ không có sự phân biệt, đối xử giữa các thành phần kinh tế, các chủ thể kinh tế khác nhau, qua đó nhằm huy động toàn diện, đồng bộ tất các các nguồn lực để xây dựng và phát triển đất nước.

Vai trò của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính còn thể hiện ở:

2.3.1. Hoạch định chiến lược, định hướng phát triển, điều chỉnh sự vận động của TC để đảm bảo:

- sử dụng có hiệu quả các nguồn lực

- Tăng tích lũy cho đầu tư phát triển

- Đảm bảo quản lý thông nhất nền tài chính quốc gia

- xây dựng nền TC quốc gia vững mạnh

- Thực hiện chặt chẽ chế độ kiểm toán, chế độ thanh tra, kiểm tra để NN sử dụng TC làm công cụ có hiệu quả trong việc kiểm soát nền tài chính vĩ mô;

- Làm lành mạnh hóa môi trường KT vĩ mô.

2.3.2.. Tạo ra cơ sở pháp lý cho các hoạt động tài chính trong nền KT đảm bảo:

- Vận hành tốt, đúng hướng các hoạt động TC của các chủ thể, đảm bảo lợi ích KT của các chủ thể này sao cho họ đóng góp nhiều nhất cho Kt nhà nước

- Đảm bảo lợi ích KT của toàn XH

2.3.3. Thiết lập các thiết chế tác động đối với sự vận động của các khâu vận hành TC đảm bảo:

- hoạt động TC của NN có sự phân công thống nhất giữa các cơ quan vận hành của hệ thống TC như Ngân hàng NN, Bộ Tài chính. Đảm bảo điều tiết, điều chỉnh sự vận động của nền tài chính chặt chẽ trơn chu.

2.3.4. Xác lập cơ chế kiểm tra, thanh tra TC đảm bảo: Mọi sai phạm trong quản lý TC phải đc phát hiện kịp thời, hạn chế rủi ro. Kịp thời có các biện pháp ngăn ngừa, đảm bảo nền tài chính lành mạnh

- Kiểm tra TC là hđ kiểm tra của các chủ thể có thẩm quyền (thay mặt NN) đối với các hoạt động tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ. Là hđ xem xét, đánh giá thực trạng hđ tài chính của các đối tượng bị kiểm tra, đối chiếu với các quy định, tiêu chuẩn đã được thiết lập nhằm phát hiện, ngăn ngừa, xử lý sai sót nếu có. Khác với kiểm tra TC

Thanh tra TC: là hđ mang tính quản lý của chủ thể dựa vào quyền lực đc phân công, quy định, là hđ sau kiểm tra nhằm xác định các sai sót, đánh giá, xử lý sai sót để duy trì, đảm bảo hiệu quả, trật tự kt trong quản lý tài chính.

***2.4. Hoạt động tài chính của các chủ thể khác***

* Hoạt động tài chính trong mối quan hệ với NSNN
* Hoạt động tài chính trong phạm vi nội bộ các cơ quan, tổ chức
* Hoạt động tài chính của các chủ thể trên trong mối quan hệ với thị trường tài chính

1. **Pháp luật tài chính**

**1. Khái niệm**: Pháp luật tài chính là tổng thể các quy phạm pháp luật do các chủ thể quản lý tài chính ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ XH phát sinh trong quá trình hoạt động tài chính

Khái niệm Pháp luật tài chính có nội hàm rộng hơn luật tài chính.

Luật tài chính là tập hợp các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình phân phối của cải dưới hình thức giá trị nhằm tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ nhất định để đáp ứng như cầu của các chủ thể tham gia vào các quan hệ phân phối đó.

Pháp luật tài chính hàm chứa các quy phạm pháp luật của Luật tài chính. Nói một cách khác, luật tài chính là một bộ phận cấu thành của pháp luật tài chính.

1. **Đối tượng điều chỉnh của pháp luật tài chính gồm 5 nhóm:**

2.1. Nhóm quan hệ tài chính phát sinh trong lĩnh vực ngân sách NN bao gồm các khâu:

- Thu ngân sách

- Chi ngân sách

- Lập, chấp hành dự toán NS và quyết toán ngân sách

- Phân cấp quản lý NS

Đặc điểm của nhóm này là có sự tham gia của Nhà nước với tư cách là một chủ thể quyền lực với mục đích là thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

2.2. Nhóm quan hệ phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh( tài chính doanh nghiệp) bao gồm:

- Điều chỉnh việc hình thành và sử dụng vốn của DN

- Quan hệ về quản lý doanh thu, chi phí, giá thành của sản phẩm, dịch vụ

- Quan hệ về phân phối lợi nhuận.

2.3. Nhóm quan hệ tài chính phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

2.4. Nhóm quan hệ tài chính phát sinh trong các tổ chức phi kinh doanh và khu vực dân cư, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức XH, các qũy từ thiện

2.5. Nhóm quan hệ phát sinh từ thị trường tài chính – nơi diễn ra các hoạt động mua bán các nguồn tài chính (bao gồm vốn ngắn hạn-thị trường tiền tệ; vốn dài hạn- thị trường chứng khoán) nhằm thỏa mẵn nhu cầu về vốn trong nền kinh tế.

3. Phương pháp điều chỉnh: gồm 2 phương pháp là mệnh lệnh (có sự tham gia của NN với tư cách là chủ thể quyền lực)

và bình đẳng, thỏa thuận (có thể có sự tham gia của NN nhưng không phải là với tư cách chủ thể quyền lực)

4. Quan hệ pháp luật tài chính: là hình thức pháp lý của quan hệ tài chính, xuất hiện dưới sự tác động của qui phạm pháp luật tài chính

- Chủ thể của quan hệ tài chính gồm 5 nhóm:

+ Nhà nước- là chủ thể đặc biệt, chủ thể này thường xuyên tham gia trong quan hệ NSNN

+ Cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức chính trị. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xh, các qũy từ thiện

+ Các doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh khác

+ Các cá nhân trong và ngoài nước

+ tổ chức kinh tế nước ngoài, tổ chức phi chính phủ

- Khách thể của quan hệ tài chính: là biểu hiện của của cải vật chất dưới hình thức giá trị như : tiền tệ quốc gia, ngoại tệ, các giấy tờ có giá có thể chuyển đổi thành tiền....

**Câu hỏi cho phần 1:**

1. Tài chính là gì?
2. Nguồn gốc của Tài chính?
3. Phân tích bản chất của tài chính, cho biết các khâu tài chính trong quan hệ tài chính?
4. Trình bày nhóm các quan hệ trong khâu ngân sách nhà nước
5. Vai trò của nhà nước trong lĩnh vực tài chính?
6. Phân biệt pháp luật tài chính và luật tài chính?
7. Nhóm các quan hệ trong khâu ngân sách nhà nước
8. Trình bày nhóm các quan hệ trong pháp luật tài chính.

**Phần 2- NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**VÀ PHÁP LUẬT VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**NỘI DUNG 1:TỔNG QUAN VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

I. Ngân sách nhà nước (NSNN)

II. Pháp luật về NSNN

III. Nội dung điều chỉnh của pháp luật về ngân sách nhà nước

1. Điều chỉnh về tổ chức hệ thống NSNN

2. Điều chỉnh về phân cấp quản lý NSNN

3. Điều chỉnh về chu trình ngân sách NN

4. Điều chỉnh về nguồn thu của NSNN- các sắc thuế

5. Điều chỉnh về hoạt động chi của NSNN

6. Điều chỉnh về quản lý quỹ NSNN

7. Điều chỉnh về hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát NSNN.

**I. Ngân sách Nhà nước:**

**1.1. Khái niệm:**

**Tài chính công** là tổng thể các hoạt động thu chi bằng tiền do nhà nước tiến hành, nó phản ánh hệ thống các quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình tạo lập và sử dụng các quỹ công, nhằm phục vụ việc thực hiện các chức năng của nhà nước và đáp ứng các nhu cầu, lợi ích chung của toàn xã hội.

**Ngân sách nhà nước** là một quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước, hình thành gắn liền với việc đảm bảo thực hiện các chức năng của các cơ quan chính quyền Nhà nước.

Ở góc độ kinh tế, NSNN được hiểu là bản dự toán các khoản thu , chi tiền tệ của một quốc gia, được cơ quan có thẩm quyền của NN quyết định để thực hiện trong một thời hạn nhất định.

Ở góc độ pháp lý: Ngân sách NN được hiểu là một đạo luật đặc biệt về các khoản thu, chi của tiền tệ quốc gia do quốc hội ban hành để cho phép chính phủ thực hiện trong một thời gian xác định.

Tại VN

Điều 1, Luật NSNN năm 1996: Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước trong dự toán đã được cơ quan NN có thẩm quyền quyết định và được thực hiên trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước

Điều 1, Luật NSNN năm 2002: Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước .

Điều 4 (khoản 14), Luật NSNN năm 2015: NSNN là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan NN có thẩm quyền quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Đạo luật ngân sách thường niên: Ngân sách Nhà nước là một bản dự toán thu chi của Nhà nước được Quốc hội phê chuẩn và có hiệu lực trong 1 năm tài khóa.

**1.2. Đặc điểm:**

- Đóng vai trò chủ đạo, đảm bảo việc thực hiện chi quốc gia, hỗ trợ địa phương

- Giữa các cấp ngân sách có mối quan hệ hữu cơ

- Tổ chức phù hợp với hệ thống chính quyền nhà nước

- Mỗi cấp ngân sách được phân định nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể

- Có đủ ĐK để trở thành cấp ngân sách khi:

+ được giao nhiệm vụ quản lý trên lĩnh vực phát triển hành chính- XH và KT trên vùng, lãnh thổ

+ có nguồn tài chính đảm bảo đáp ứng nhu cầu chi của mình

**1.3. Vai trò của NSNN:**

**Một là**, **huy động các nguồn Tài chính để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của Nhà nước**

Vai trò này xuất phát từ bản chất kinh tế của Ngân sách nhà nước, để đảm bảo cho hoạt động của nhà nước trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội đòi hỏi phải có những nguồn tài chính nhất định. Những nguồn tài chính này được hình thành từ các khoản thu thuế và các khoản thu ngoài thuế . Đây là vai trò lịch sử của Ngân sách nhà nước mà trong bất kỳ chế độ xã hội nào, cơ chế kinh tế nào ngân sách nhà nước đều phải thực hiện.

**Hai là,** **là công cụ điều tiết thị trường, bình ổn giá cả và chống lạm phát**

Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế thị trường là sự cạnh tranh giữa các nhà doanh nghiệp nhằm đạt được lợi nhuận tối đa, các yếu tố cơ bản của thị trường là cung cầu và giá cả thường xuyên tác động lẫn nhau và chi phối hoạt động của thị trường. Sự mất cân đối giữa cung và cầu sẽ làm cho giá cả tăng lên hoặc giảm đột biến và gây ra biến động trên thị trường, dẫn đến sự dịch chuyển vốn của các doanh nghiệp từ ngành này sang ngành khác, từ địa phương này sang địa phương khác. Việc dịch chuyển vốn hàng loạt sẽ tác động tiêu cực đến cơ cấu kinh tế, nền kinh tế phát triển không cân đối. Do đó, để đảm bảo lợi ích cho nhà sản xuất cũng như người tiêu dùng nhà nước phải sử dụng ngân sách để can thiệp vào thị trường nhằm bình ổn giá cả thông qua công cụ thuế và các khoản chi từ ngân sách nhà nước dưới các hình thức tài trợ vốn, trợ giá và sử dụng các quỹ dự trữ hàng hoá và dự trữ tài chính. Đồng thời , trong quá trình điều tiết thị trường ngân sách nhà nước còn tác động đến thị trường tiền tệ và thị trường vốn thông qua việc sử dụng các công cụ tài chính như: phát hành trái phiếu chính phủ, thu hút viện trợ nước ngoài, tham gia mua bán chứng khoán trên thị trường vốn… qua đó góp phần kiểm soát lạm phát.

**Ba là, ngân sách Nhà nước là công cụ định huớng phát triển sản xuất**

Để định hướng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhà nước sử dụng công cụ thuế và chi ngân sách. Bằng công cụ thuế một mặt tạo nguồn thu cho ngân sách, mặt khác nhà nước sử dụng thuế với các loại thuế, các mức thuế suất khác nhau sẽ góp phần kích thích sản xuất phát triển và hướng dẫn các nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư vào những vùng những lĩnh vực cần thiết để hình thành cơ cấu kinh tế theo hướng đã định. Đồng thời, với các khoản chi phát triển kinh tế, đầu tư vào cơ sở hạ tầng, vào các ngành kinh tế mũi nhọn… nhà nước có thể tạo điều kiện và hướng dẫn các nguồn vốn đầu tư của xã hội vào những vùng, lĩnh vực cần thiết để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý.

**Bốn là, ngân sách Nhà nước là công cụ điều chỉnh thu nhập giữa các tầng lớp dân cư**

Nền kinh tế thị trường với những khuyết tật của nó sẽ dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, nhà nước phải có một chính sách phân phối lại thu nhập hợp lý nhằm giảm bớt khoảng cách chênh lệch về thu nhập trong dân cư. Ngân sách nhà nước là công cụ tài chính hữu hiệu được nhà nước sử dụng để điều tiết thu nhập, với các sắc thuế như thuế thu nhập luỹ tiến, thuế tiêu thụ đặc biệt … một mặt tạo nguồn thu cho ngân sách mặt khác lại điều tiết một phần thu nhập của tầng lớp dân cư có thu nhập cao. Bên cạnh công cụ thuế, với các khoản chi của ngân sách nhà nước như chi trợ cấp, chi phúc lợi cho các chương trình phát triển xã hội: phòng chống dịch bệnh, phổ cập giáo dục tiểu học, dân số và kế hoạch hoá gia đình… là nguồn bổ sung thu nhập cho tầng lớp dân cư có thu nhập thấp .

**II. Pháp luật về Ngân sách NN**

**2.1. Khái niệm:**

a, Quan điểm truyền thống: Pháp luật Ngân sách là tập hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội hình thành gắn liền với việc tạo lập, phân phối và sử dụng các nguồn vốn tiền tệ của ngân sách Nhà nước

b, Quan điểm mới: Pháp luật Ngân sách là tổng hợp các quy phạm pháp luật liên quan đến các quan hệ kinh tế phát sinh từ hoặc liên quan đến quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ Nhà nước.

**Tóm lại: Pháp luật về ngân sách NN là tổng thể các quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ tài chính liên quan đến hoạt động ngân sách NN.**

**2.2. Đặc điểm của pháp luật ngân sách**

* Luôn có sự tham gia của một bên là Nhà nước hoặc các cơ quan đại diện cho Nhà nước trong mọi quan hệ pháp luật ngân sách
* Quyền và nghĩa vụ của các bên không phải do thỏa thuận mà là do luật định, các bên buộc phải tuân theo
* Mục đích là vì lợi ích của Nhà nước, xã hội

**2.3. Nội dung điều chỉnh của pháp luật Ngân sách:**

a, điều chỉnh về các quan hệ về phân cấp quản lý, điều hành ngân sách NN ( trả lời cho câu hỏi: chủ thể nào, có quyền lợi nghĩa vụ gì, được giao nguồn thu nào, nhiệm vụ chi nào?).

b, điều chỉnh về chu trình ngân sách gồm các quan hệ về tạo lập, thông qua dự toán ( trả lời cho câu hỏi: cơ quan nào lập dự tóan, chế độ báo cáo thế nào?)..

c, điều chỉnh về các quan hệ về chấp hành ngân sách thông qua các khoản thu, chi NSNN ( trả lời cho câu hỏi: phương thức tiến hành thu, chi?; cơ quan nào chịu trách nhiệm về vấn đề thu, chi? Nguồn thu ngân sách NN từ đâu? Cụ thể thế nào? Ngân sách nhà nước chi những yêu cầu nào của XH? Để đảm bảo khả năng quản lý

đ, điều chỉnh về các quan hệ về quyết toán ngân sách (bao gồm những quan hệ trong quá trình lập quyết toán, phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước và những quan hệ về kiểm tra, thanh tra, kiểm toán ngân sách nhà nước).

Cụ thể điều chỉnh 7 vấn đề sau:

1. Điều chỉnh về tổ chức hệ thống NSNN

2. Điều chỉnh về phân cấp quản lý NSNN

3. Điều chỉnh về chu trình ngân sách NN

4. Điều chỉnh về nguồn thu của NSNN- các sắc thuế

5. Điều chỉnh về hoạt động chi của NSNN

6. Điều chỉnh về quản lý quỹ NSNN

7. Điều chỉnh về hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát NSNN.

**2.4.** **Nguồn của Pháp luật ngân sách**

* Hiến pháp
* Luật ngân sách Nhà nước qua các thời kỳ
* Đạo luật ngân sách thường niên (chỉ có hiệu lực trong 1 năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 dương lịch, do đó cần theo dõi đạo luật này của từng năm)
* Các văn bản dưới luật, các văn bản có quy phạm pháp luật có liên quan đến ngân sách Nhà nước.

**Câu hỏi:**

1. Pháp luật về tài chính là gì? Bao gồm những nội dung nào?
2. Pháp luật về ngân sách là gì? Bao gồm những nội dung nào?
3. Nêu và phân tích đặc điểm của pháp luật NS.
4. Tại sao nói: Vai trò của NSNN là công cụ điều tiết thị trường, bình ổn giá cả và chống lạm phát.

**NỘI DUNG 2:**

**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NSNN**

**CHƯƠNG I. TỔ CHỨC HỆ THỐNG NGÂN SÁCH NN**

1.1. **Hệ thống ngân sách Nhà nước:**

**1.1.1. Khái niệm**: là tổng hợp các cấp Ngân sách của các cấp chính quyền Nhà nước, giữa các cấp NS có mối quan. Các cấp ngân sách này có vị trí độc lập nhất định nhưng có quan hệ hữu cơ với nhau tạo thành hệ thống ngân sách Nhà nước thống nhất.

**1.1.2. Đặc điểm:** NN đóng vai trò chủ đạo; Mỗi cấp NS có tính độc lập, được phân định nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể.Tổ chức phù hợp với hệ thống chính quyền NN; Đủ ĐK trở thành cấp NS khi:

+ Đc giao nhiệm vụ quan lý toàn diện trên các LV phát triển hành chính, XH, KT trên vùng, lãnh thổ;

+ Có nguồn tài chính đáp ứng yêu cầu chi

**1.2.** **Tổ chức hệ thống ngân sách:**Tổ chức hệ thống ngân sách của một nước gắn liền với hình thức cấu trúc nhà nước

- Hình thức cấu trúc nhà nước, là sự cấu tạo Nhà nước thành các đơn vị hành chính lãnh thổ và xác lập những mối quan hệ qua lại giữa các cơ quan nhà nước, giữa trung ương với địa phương

Hiện, trên thế giới tồn tại hai hình thức cấu trúc nhà nước chủ yếu là nhà nước đơn nhất và nhà nước liên bang.

* Nhà nước đơn nhất và phân cấp ngân sách trong nhà nước đơn nhất.

Nhà nước đơn nhất là nhà nước có chủ quyền chung, có hệ thống cơ quan quyền lực và quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương và có các đơn vị hành chính bao gồm tinh/thành phố, huyện/quận, xã/phường.

Mỗi đơn vị hành chính này là một cấp ngân sách

Do các đơn vị hành chính này không độc lập nên việc phân cấp ngân sách phải phân theo các cấp chính quyền và trên cơ sở thống nhất.

* Nhà nước liên bang và phân cấp ngân sách trong nhà nước liên bang

Nhà nước liên bang là nhà nước có từ hai hay nhiều nước thành viên hợp lại, có hai hệ thống cơ quan quyền lực và quản lý hệ thống chung cho toàn liên bang và một hệ thống trong mỗi nước thành viên, có chủ quyền quốc gia chung của nhà nước liên bang và mỗi thành viên cũng có chủ quyền riêng

Phân cấp ngân sách trong nhà nước liên bang có tính chất độc lập nhất định gồm ngân sách của nhà nước liên bang và ngân sách riêng của mỗi nước thành viên độc lập.

Tại Việt Nam: Hệ thống ngân sách nhà nước theo hình thức đơn nhất bao gồm 2 bộ phận hợp thành là ngân sách TW và ngân sách địa phương. Lịch sử hình thành sẽ được cụ thể ở phần sau.

* 1. **Nguyên tắc của tổ chức hệ thống ngân sách NN**

1.3.1. Nguyên tắc thống nhất: là những bộ phận cấu thành của một hệ thống NS dù được tổ chức thành nhiều cấp nhưng thống nhất và duy nhất. Trong nguyên tắc này, mặc dù mối cấp NS có hoạt động thu chi khác nhau nhưng các hoạt động này phải có sự thống nhất bằng các quy định chung của cơ quan thầm quyền ban hành từ trên xuống dựa trên những chuẩn mực, nguyên tắc nhất định.

- Các cấp NS phải tuân thủ chuẩn mực kế toán về các phương thức báo cáo, về lập, phê chuẩn, chấp hành và quyết toán NSNN;Các cấp NS phải quy trì mối quan hệ giữa NS cấp trên và NS cấp dưới trong việc điều chuyển nguồn vốn. đảm bảo nguồn vốn cho phát triển ktxh.

Tại Điều 3 Luật Ngân sách năm 2002 quy định: “Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp quản lý, gắn quyền hạn với trách nhiệm.

Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.”

Tại khoản 1 Điều 8 Luật Ngân sách NN 2015 quy định:

“ Ngân sách NN được quản lý thống nhất, tập trung dân chủ, hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng, có phân công phân cấp quản lý, gắn quyền hạn với trách nhiệm của cơ quan quản lý các cấp”.

**Tại sao lại phải công khai, minh bạch NSNN:** Công khai là để mọi người đều được biết, Minh bạch là làm cho mọi việc trở nên rõ ràng, dễ hiểu. Quản lý ngân sách phải công khai minh bạch xuất phát từ đòi hỏi chính đáng của người dân với tư cách là người nộp thuế cho nhà nước. Quy tắc chung về tính minh bạch gồm các nội dung chủ yếu là:

– Ngân sách phải đảm bảo tính toàn diện. Điều này có nghĩa là các hoạt động trong và ngoài ngân sách đều được phản ánh vào tài liệu trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

– Đảm bảo tính khách quan độc lập. Các cấp, các đơn vị dự toán, các tổ chức cá nhân được NSNN hỗ trợ phải công khai dự toán và quyết toán ngân sách, Nội dung công khai theo các biểu mẫu quy định, thời gian công khai được quy định rõ đối với từng cấp ngân sách.

Nhà nước phải đảm bảo trách nhiệm trước nhân dân về toàn bộ quá trình quản lý ngân sách. Chịu trách nhiệm hữu hiệu bao gồm khả năng điều trần và gánh chịu hậu quả. Bên cạnh đó, phảo đảm bảo cân đối NSNN ngoài sự cân bằng về thu, chi còn là sự hài hoà hợp lý trong cơ cấu thu, chi giữa các khoản thu, chi; các lĩnh vực, các ngành; các cấp chính quyền thậm chí ngay cả giữa các thế hệ (ví dụ: vay nợ). Đảm bảo cân đối ngân sách là một đòi hỏi khách quan xuất phát từ vai trò nhà nước trong can thiệp vào nền kinh tế thị trường với mục tiêu ổn định, hiệu quả và công bằng. Vì vậy tính toán nhu cầu chi sát với khả năng thu trong khi lập ngân sách là rất quan trọng. Các khoản chi chỉ được phép thực hiện khi đã có đủ các nguồn bù đắp.

* + 1. Nguyên tắc tự chủ:

Yêu cầu của nguyên tắc này là:

Mỗi cấp chính quyền phải thực hiện những chức năng quản lý trên địa bàn cần có nguồn tài chính, cần tìm tòi và khơi nguồn tài chính địa phương, chủ động khai thác các nguồn vốn tại đại địa phương dể phát triển kt, bớt trong chờ vào NN.

1.3.3. Nguyên tắc tập trung quyền lực trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền địa phương trong hoạt động ngân sách.

* 1. **Hệ thống ngân sách Nhà nước của Việt Nam**

Lược sử hệ thống NSNN của VN từ khi độc lập

**a,** **Giai đoạn khai sinh chế độ phân cấp quản lý NSNN (Nghị định 118/1967)** ban hành kèm theo điều lệ phân cấp quản lý TC, ngân sách cho các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

**Đặc điểm:**

+ Là NSNN thống nhất, duy nhất, cả nước chỉ có 1 ngân sách do NN thóng nhất quản lý và quyết định chi dùng.

+ về tổ chức hệ thống gồm 2 cấp: NSTW và NSĐP( tỉnh, TP trực thuộcTW); chính quyền Huyện, xã là đơn vị dự toán của ngân sách cấp tỉnh. Chính phủ giao cho địa phương thực hiện 1 số nhiệm vụ thu, chi liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ phát triển KT-XH ở địa phương.

**Hạn chế**: Không khuyến khích chính quyền đại phương phát huy sáng tạo trong khai thác và huy động các nguồn tài chính trên đại bàn phục vụ cho phát triển kinh tế ở địa phương. Đơn vị dự toán huyện, xã chờ vào cấp tỉnh, cấp tỉnh chờ vào TW.

b, **Giai đoạn phân cấp tới các địa phương cấp quận, huyện**(Nghị định 108 ngày/13/5/78). NSTW gồm NS tỉnh và các Quận, Huyện.

Ưu điểm: Huy động đc nguồn ngân sách Địa phương cho PT kinh tế trên đại bàn quản lý từ cấp huyện.

c, **Giai đoạn phân cấp tới cấp xã** (Nghị định 138 ngày 19/11/1993)

NSTW gồm 3 cấp: TW, tỉnh, huyện, xã.

Ưu điểm: tạo cho chính quyền cấp xã có nguồn tài chính từ NSNN để thực thi nhiệm vụ tại địa bàn

d, **Giai đoạn có Luật Ngân sách đầu tiên 1996.**

Quy định NSNN gồm NSTW và NS địa phương ( gồm tỉnh, huyện, xã)

Theo đó, phân định nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể.

e, **Giai đoạn hiện tại, Luật NSNN 2015.**

Điều 6 Luật Ngân sách NN 2015: **Hệ thống ngân sách nhà nước**

1. Ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

2. Ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương.

2.2. Quy định về đối tượng cấp ngân sách NN

\* Ngân sách TW bao gồm: dự toán kinh phí của các Bộ, Ban, ngành thuộc bộ máy nhà nước cấp TW, dự toán kinh phí của Đảng, các khối trong cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị XH thuộc diện được NN cân đối kinh phí để hoạt động như: Mặt trận tổ quốc các cấp, Liên đoàn lao động, Đoàn TN, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội nông dân, hội cựu chiến binh

\* Ngân sách địa phương: Ngân sách của các đơn vị hành chính các cấp có hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân như:

- Ngân sách cấp tỉnh

- Ngân sách cấp huyện

- Ngân sách cấp phường, xã

**CHƯƠNG 2: QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NSNN**

Tùy thuộc vào quy định pháp luật của mỗi quốc gia, chế độ phân cấp quản lý nhà nước có nhiều cấp khác nhau chẳng hạn:

**Tại nhật**: NSNN(NS của cơ quan TW) và NS địa phương là các cấp NS độc lập. Pháp luật điều chỉnh là Luật tài chính và luật tài chính địa phương

**Tại TQ.**

- NSTW cấu thành từ NS của các đơn vị trực thuộc.

- NS địa phương hình thành = NS chung của các cấp chính quyền ĐP(các tỉnh, khu tự trị, các thị chính thuộc TW)

- Quốc vụ viện quyết định phân cấp NSTW và NSĐP về nguồn thu và nhiệm vụ chi

**2.1. Phân cấp ngân sách tại Việt Nam** :

2.1.1. Khái niệm:

Thông thường, thuật ngữ phân cấp quản lý ngân sách được hiểu là việc phân định trách nhiệm, quyền hạn của các cấp chính quyền nhà nước trong hoạt động ngân sách của nhà nước, phân định nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách trong hệ thống ngân sách nhà nước. Đây là một nội dung cơ bản của hoạt động ngân sách NN, phân cấp quản lý NSNN hợp lý sẽ đảm bảo và phát huy tốt vai trò của NSNN trên nhiều mặt, nhiều phương diện và thức đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo ổn định xh, đảm bảo an sinh xã hội.

Tại Việt Nam, Phân cấp quản lý ngân sách là việc xác định phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của chính quyền các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách trong việc quản lý ngân sách nhà nước phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế – xã hội. *(khoản 16 Điều 4 Luật Ngân sách 2015)*

Việt Nam thuộc hình thức cấu trúc nhà nước đơn nhất

Hệ thống ngân sách phân theo chiều dọc, từ trung ương đến địa phương.

2.1.2. Nội dung của quy định phân cấp quản lý ngân sách NN

Thứ nhất: quy định về trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan chính quyền nhà nước trong hoạt động NSNN gồm:

**Quốc Hội**

- Ban hành Luật, sửa đổi Luật trong lĩnh vực tài chính

- Quyết định chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia

- quyết định dự toán ngân sách gồm : Tổng thu, tổng chi, mức bội chi

- Quyết định phân bổ ngân sách TW

- Quyết định các dự án

* Giám sát thực hiện ngân sách nhà nước
* Phê chuẩn quyết toán NSNN

**Chính Phủ**

* Lập và trình Quốc hội dự toán ngân sách NN, phương san phân bổ NSNN hàng năm, dự toán điều chỉnh NSNN
* Trình Quốc hội, Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội các dự án Luật, Pháp lệnh và về các lĩnh vực tài chính, ngân sách. Chính phủ được ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài chính-NS theo thẩm quyền
* Phân bổ ngân sách TW, quyết định giao nhiệm vụ thu chi ngân sách cho các cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ, các địa phương
* Quản lý NSNN
* Tổ chức điều hành thực hiện NSNN, Báo cáo Quốc hội và YBTVQH

**Hội đồng Nhân dân các cấp**

Quyết định dự toán thu chi ngân sách địa phương, điều chỉnh ngân sách địa phương trong một số trường hợp cần thiết

Quyết định thu phí, lệ phí, phụ thu và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật

**Ủy Ban nhân dân các cấp**

- Lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ NS cấp mình theo chỉ tiêu, dự toán điều chỉnh NS trong trường hợp cần thiết và trình hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp

- Quyết toán ngân sách địa phương

- Kiểm tra nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp dưới về tài chính, ngân sách,

**Đọc kỹ toàn bộ chương 2 Luật Ngân sách NN 2015, đây là chương quy định rất cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp trongphaan cấp quản lý NSNN.**

**CÂU HỎI:**

1. Nêu và phân tích nhiệm vụ của Quốc hội về ngân sách NN theo luật ngân sách 2015.

2. Hệ thống ngân sách NN của Việt Nam được tổ chức thế nào?

3. Phân cấp quản lý ngân sách là gì? Pháp luật về phân cấp quản lý Ngân sách của Việt nam quy định như thế nào? ở đâu?

4. Tại sao pháp luật lại quy định ngân sách nhà nước phải được quản lý thống nhất theo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch?

**CHƯƠNG 3: PHÁP LUẬT VỀ CHU TRÌNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

3.1. Chế độ lập dự toán NSNN

3.1.1. Khái niệm: Lập dự toán NSNN là quá trình xây dựng và quyết định dự toán thu, chi ngân sách của nhà nước trong một thời hạn nhất định (thông thường là 1 năm).

Đây là khâu quan trọng của quá trình NSNN, làm cơ sở cho các khâu tiếp theo của chu trình NSNN như chấp hành và quyết toán NSNN.

3.1.2. Quá trình lập dự toán NSNN:

Điều kiện:

Một là: Lập dự toán NSNN là công việc thuộc trách nhiệm của hệ thống cơ quan quản lý NN cụ thể là Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp.

Hai là: Quyết định dự toán NSNN là công việc thuộc thẩm quyền của cơ quan quyền lực NN bao gồm Quốc Hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Quá trình NSNN gồm 3 công đoạn: Xây dựng dự toán, quyết định dự toán, công bố dự toán đã được phê duyệt (công bố ngân sách).

Trình tự lập gồm các bước:

* Hướng dẫn lập dự toán- Bộ Tài chính đảm nhiệm
* Xét duyệt, tổng hợp trình Quốc hội (Bộ Tài chính)
* Thảo luận, quyết định dự toánphương án phân bổ và giao dự toán NSNN (Quốc Hội),

**Ví dụ, đối với dự toán NSNN năm 2018.**

Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 2610/QĐ-BTC công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2018 như sau:

- Tổng thu NSNN là 1.319.200 tỷ đồng. Trong đó:

- Thu nội địa là 1.099.300 tỷ đồng, thu từ dầu thô là 35.900 tỷ đồng, thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu là 179.000 tỷ đồng, thu viện trợ là 5.000 tỷ đồng.

- Tổng chi NSNN là 1.523.200 tỷ đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 399.700 tỷ đồng; chi trả nợ lãi là 112.518 tỷ đồng; chi viện trợ là 1.300 tỷ đồng; chi thường xuyên là 940.748 tỷ đồng; chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế là 35.767 tỷ đồng; chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính 100 tỷ đồng; dự phòng NSNN là 32.097 tỷ đồng.

- Bội chi NSNN năm 2018 là 204.000 tỷ đồng (3,7% GDP); trong đó, bội chi ngân sách trung ương (NSTW) là 195.000 tỷ đồng, bội chi NSĐP là 9.000 tỷ đồng.

Bộ Tài chính cũng công khai dự toán NSTW và NSĐP. Theo đó, tổng nguồn thu NSTW là 753.404 tỷ đồng. Thu thuế, phí và các khoản thu khác là 748.404 tỷ đồng. Thu từ nguồn viện trợ là 5.000 tỷ đồng.

Tổng chi NSTW là 948.404 tỷ đồng. Chi NSTW theo phân cấp (không kể bổ sung cho NSĐP) là 627.253 tỷ đồng. Chi bổ sung cho NSĐP là 321.151 tỷ đồng. Chi bổ sung cân đối là 198.699 tỷ đồng. Chi bổ sung có mục tiêu là 122.452 tỷ đồng. Bội chi NSTW là 195.000 tỷ đồng.

Tổng nguồn thu NSĐP là 886.947 tỷ đồng. Thu NSĐP hưởng theo phân cấp là 565.796 tỷ đồng. Thu bổ sung từ NSTW là 321.151 tỷ đồng. Thu bổ sung cân đối là 198.699 tỷ đồng. Thu bổ sung có mục tiêu là 122.452 tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách địa phương là 895.947 tỷ đồng. Chi cân đối NSĐP theo phân cấp (không kể từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW) là 773.495 tỷ đồng. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW là 122.452 tỷ đồng. Bội chi NSĐP là 9.000 tỷ đồng.

Tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về dự toán NSNN năm 2018.

3.1.3. Đặc điểm của hoạt động lập dự toán NSNN:

- Là hoạt động diễn ra hàng năm, vào trước năm ngân sách

- Quyền quyết định cao nhất của hoạt động ngân sách NN do Quốc hội quyết định , phê chuẩn trên cơ sở dự toán NSNN do Chính phủ trình.

- Việc xây dựng dự toán NSNN được thực hiện từ dưới lên trên. Dự toán NSNN được xây dựng từ các cấp ngân sách được phân cấp bao gồm ( NSNN địa phương, bộ ngành, đoàn thể xh sử dụng NSNN..) do nhiều chủ thể khác nhau có sự phân định trách nhiệm, quyền hạn một cách rõ ràng.

- Hoạt động lập dự toán NSNN được pháp luật quy định rõ ràng theo trình tự thủ tục nhất định

Ở Việt Nam, dự toán NSNN được lập từ cấp xã trở lên cấp huyện, cấp tỉnh, cấp TW.

**( đọc chương 2 Luật NSNN 2015)**

**3.2. Chấp hành dự toán NSNN**

3.2.1. Khái niệm: Chấp hành NSNN là quá trình thực hiện dự toán NSNN sau khi đã được các cơ quan có thẩm quyền thông qua. Đây thực chất là việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính đã ghi nhận trong dự toán NSNN đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

3.2.2. Nội dung chế độ chấp hành ngân sách gồm: Phân bổ ngân sách, chấp hành dự toán thu, thực hiện nhiệm vụ chi

\* Phân bổ ngân sách NN là việc phân chia ngân sách đã được phê duyệt cho các cấp xây dựng ngân sách dựa trên các chỉ tiêu cụ thể, có tính theo %. Đây chính là một công đoạn ban đầu của việc chấp hành ngân sách.

\* Chấp hành dự toán thu ngân sách là việc các cấp NS, các tổ chức, cá nhân thực hiện các chỉ tiêu về thu NSNN do các cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở các chỉ tiêu về dự toán xây dựng NSNN đã được phê duyệt.Đây là một khâu rất quan trọng của quá trình NSNN để đảm bảo nguồn kinh phí cho mọi hoạt động trong xh.

Nguồn thu của NSNN từ:

* Các loại thuế, phí, vay nợ,...

*Giáo viên sẽ trình bày kỹ vấn đề này ở một chương riêng, chương 4 với nguồn thu NSNN chủ yếu từ các sắc thuế.*

\* Chấp hành dự toán chi là việc chuyển giao, sử dụng đúng các quy định về các mục chi đã xây dựng và được phê duyệt. Đây là một khâu hết sức quan trọng trong quá trình thực hiện NSNN để thực hiện các hoạt động của xh.

**Chi ngân sách nhà nước chia thành:**

**- Chi thường xuyên**

**- Chi cho đầu tư phát triển**

*Trong tài liệu phần giảng về môn này, giáo viên sẽ trình bày kỹ vấn đề này ở một chương riêng, chương 5.*

* 1. Chế độ quyết toán NSNN

**Quyết tóan NSNN** là phản ánh, đánh giá và kiểm tra lại quá trình lập và chấp hành NSNN. Quyết tóan NSNN được thực hiện tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc nhìn nhận lại quá trình chấp hành ngân sách qua một năm, rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực bổ sung cho công tác lập ngân sách cũng như chấp hành ngân sách ở những chu trình tiếp theo

* + 1. Yêu cầu:

Một là: Về mặt số liệu:

Số liệu báo cáo quyết toán phải chính xác, trung thực, đầy đủ. Nội dung báo cáo quyết toán ngân sách phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán được giao (hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép) và chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ; chịu trách nhiệm về những khoản thu, chi, hạch toán, quyết toán ngân sách sai chế độ.

Hai là, về nội dung:

Báo cáo quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán và của các cấp chính quyền địa phương không được quyết toán chi lớn hơn thu. Cấp dưới không quyết toán các khoản kinh phí uỷ quyền của ngân sách cấp trên vào báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình.

Ba là, về thủ tục

\* Sau khi kết thúc công tác khóa sổ kế toán cuối ngày 31 tháng 12, số liệu trên sổ sách kế toán của đơn vị phải bảo đảm cân đối và khớp đúng với chứng từ thu, chi ngân sách của đơn vị và số liệu của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước về tổng số và chi tiết; trên cơ sở đó đơn vị dự toán tiến hành lập báo cáo quyết toán năm.

Ngoài mẫu biểu báo cáo quyết toán năm theo qui định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đơn vị dự toán còn phải gửi kèm báo cáo giải trình chi tiết các loại hàng hóa, vật tư tồn kho, các khoản nợ, vay và tạm ứng, tạm thu, tạm giữ, tồn quỹ tiền mặt, số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị dự toán để cơ quan chủ quản cấp trên (hoặc cơ quan tài chính cùng cấp) xem xét trước khi ra thông báo duyệt (hoặc thẩm định) quyết toán năm cho đơn vị. Việc xét duyệt và thẩm định quyết toán năm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Bốn là, về thẩm quyền xét duyệt quyết toán là: Bộ tài chính, Sở tài chính , Phòng tài chính cấp Huyện, Ban tài chính cấp xã.

Quốc hội phê chuẩn tổng quyết toán NSNN

Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương

Bộ tài chính thẩm định quyết toán NSNN của các đơn vị dự toán NSTW, tổng hợp quyết toán ngân sách NN trình chính phủ, đồng thời gửi kiểm toán nhà nước.

Sở TC thẩm định quyết toán NSNN cấp huyện, quận

Phòng tài chính Huyện, quận thẩm định NSNN cấp xã, phường.

* + 1. **Xử lý kết dư ngân sách.**

Kết dư ngân sách trung ương là số chênh lệch giữa tổng số thu ngân sách trung ương và vay bù đắp bội chi lớn hơn tổng số chi ngân sách trung ương, kết dư ngân sách địa phương là chênh lệch giữa tổng số thu ngân sách địa phương lớn hơn tổng số chi ngân sách địa phương; chi ngân sách bao gồm cả những khoản thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán, các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện những nhiệm vụ chi được cấp có thẩm quyền quyết định tiếp tục được thực hiện trong năm sau.

Kết dư ngân sách được xử lý như sau:

1) Kết dư ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh được chuyển năm mươi phần trăm (50%) vào quỹ dự trữ tài chính, năm mươi phần trăm (50%) vào thu ngân sách năm sau. Trường hợp quỹ dự trữ tài chính đã đủ mức giới hạn theo quy định thì chuyển toàn bộ vào thu ngân sách năm sau.

2) Kết dư ngân sách cấp huyện và ngân sách xã được chuyển vào thu ngân sách năm sau (100%).

**CHƯƠNG 4; PHÁP LUẬT VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**4.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại thu NSNN**:

4.1.1. Khái niệm: Thu ngân sách nhà nước là một hoạt động quan trọng của NN nhằm tập trung một bộ phận của cải của XH dưới hình thức giá trị để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của NN theo những hình thức và biện pháp phù hợp

**Điều 5 Luật Ngân sách 2015 quy định:** Thu ngân sách nhà nước bao gồm:

a) Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí;

b) Toàn bộ các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương;

d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

**4.1.2. Đặc điểm thu ngân sách NN**

- Điều chỉnh gắn với tình trang KTXH

- Được thực hiện qua 2 cơ chế bắt buộc(thuế+lệ phí) và tự nguyện

- Chủ thể của quá trình thu gồm 2 nhóm: chủ thể thực hiện quyền thu ( chủ thể đại diện cho NN) và chủ thể thực hiện nghĩa vụ đóng thuế, lệ phí (tổ chức, các nhân)

**4.1.3. Phân loại các khoản thu NSNN**

a, mục đích nhằm giúp công tác quản lý phân tích, đánh giá NSNN trong việc hoạch định chính sách, thực hiện CS tài chính QG, chính sách phát triển KT-XH.

b, phân loại: = 2 cách

* Căn cứ vào nội dung KT của NSNN có 2 nhóm

Nhóm 1: thu từ thuế, phí, lệ phí

Thuế: Thuế TNDN, thuế VAT, thuế TNCN, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu….

Phí: Lệ phí, phí trước bạ, lệ phí chứng thực, lệ phí xuất nhập cảnh,phí đường bộ…..

Nhóm 2: khoản thu ngoài thuế: lợi tức của NN từ các Cty CP, cty liên doanh, tiền bán, cho thuế tài sản của NN, viện trợ không hoàn lại….

* Căn cứ vào tính pháp lý của các khoản thu: thu tự nguyện và thu bắt buộc.
* Phân biệt phí và lệ phí

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phí** | **Lệ phí** |
| Phát sinh do | Nhận cung cấp DV, hàng hóa | Cung cấp DV hành chính, pháp lý |
| Mục tiêu | Bù đắp chi phí | Để quản lý hành chính NN |
| Hưởng, nộp | Tổ chức, cá nhân | NSNN |
| Các loại | Phí nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thương mại, xây dựng, giao thông, y tế | 5 nhóm: liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công dân; sở hữu và sử dụng TS; sản xuất, KD; chủ quyền quốc gia; các lĩnh vực khác. |

* 1. **Nguyên tắc phân cấp thu – chi NSNN**

- Phân cấp các khoản thu.Ngân sách TƯ nắm vai trò chủ đạo, NS địa phương được phân cấp nguồn thu để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ đc giao ở địa phương. Mỗi cấp chính quyền đc phân cấp nguồn thu cụ thể trên cơ sở thực hiện phân chia tỷ lệ % đối với các khoản thu NS. NS cấp trên bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

Nghiên cứu Điều 8,9 Luật ngân sách NN năm 2015.

**4.3 PHÂN CẤP NHIỆM VỤ THU NSNN**

4.3.1. Phân cấp nhiệm vụ thu NSNN ở TW

Khoản 1 Điều 5 luật NSNN 2015 quy định: Thu NSNN bao gồm:

a) Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí;

b) Toàn bộ các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương;

d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các khoản thu | Luật NSNN 2002( Điều 30) | Luật NSNN 2015 |
|  | 1.Thuế GTGT đối với hàng NK  2.Thuế XK- thuế NK  3.Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng NK  4. Thuế thu nhập DN đối với DN hạch toán KT toàn ngành, hưởng 100% ( bưu chính VT, điện, đường săt, hàng không, NHTM NN)  5.Thuế và các khoản thu khác từ dầu khí theo qđ của CP  6. Tiền thu hồi vốn của NSTW tại các tổ chức KT( tiền do NSTW cho vay, thu từ quỹ dự trữ TC của TW, từ vốn góp của NN  7. khoản viện trợ không hoàn lại cho Cp  8.Một số khoản phí, lệ phí giành cho NSTW  9. thu kết dư của NSTW( khoản còn lại của quyết toán năm trước chuyển sang năm sauO)  10. các khoản thu khác | NSTW hưởng các khoản thu hồi vốn của ngân sách trung ương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu;  Luật NSNN năm 2015 quy định là khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP  Quy định toàn bộ tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác phải nộp vào NSNN và phân cấp rõ do cơ quan nhà nước thuộc cấp nào thu thì ngân sách cấp đó hưởng |

* + 1. Phân cấp nhiệm vụ thu của NSNN ở địa phương

Ngân sách Nhà nước địa phương bao gồm ba cấp ngân sách: Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và ngân sách xã. Mỗi cấp ngân sách Nhà nước đều được hình thành từ ba nguồn thu: thu cố định, thu điều tiết và thu bổ sung.

\* Thu cố định: Khoản thu phát sinh tại địa phương và địa phương được hưởng 100%. Tùy theo từng cấp ngân sách địa phương mà nguồn thu cố định là khác nhau:

**– Khoản thu 100% vào  ngân sách Nhà nước của Tỉnh:**Thuế nhà, đất; Thuế tài nguyên; Thuế môn bài; Thuế chuyển quyền sử dụng đất và thuế sử dụng đất nông nghiệp; Tiền sử dụng đất; Tiền cho thuê đất; Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước; Lệ phí trước bạ của nhà, đất; Thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các tổ chức kinh tế, thu từ quỹ dự trữ tài chính của địa phương, thu nhập từ vốn góp của địa phương; Toàn bộ thu từ hoạt động xổ số; Thu kết dư ngân sách Nhà nước; Các khoản viện trợ không hoàn lại của các tổ chức trực tiếp cho địa phương; Các khoản thu khác (phí, lệ phí thu từ hoạt động sự nghiệp và các khoản thu khác nộp vào ngân sách cấp tỉnh)

– **Khoản thu 100% của ngân sách Nhà nước huyện:** Thuế môn bài, trừ thuế môn bài của các hộ kinh doanh nhỏ; Thuế sát sinh của tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn; Các khoản phí và lệ phí quy định cho ngân sách huyện; Viện trợ không hoàn lại; Các khoản thu từ kết dư ngân sách Nhà nước và thu khác.

**– Khoản thu 100% của ngân sách Nhà nước cấp xã**: Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2002, Ngân sách cấp xã được tăng thu, tuy nhiên, chủ yếu tăng thu từ nguồn thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, cu thể:Thuế môn bài từ các hộ kinh doanh nhỏ; Thuế sát sinh do cá nhân giết mổ; Các khoản phí, lệ phí quy định cho ngân sách xã; Các khoản thu từ sự nghiệp dịch vụ của xã; Các khoản thu từ đóng góp, ủng hộ; Thu kết dư và các khoản thu khác.

**\* Thu điều tiết**: Là khoản thu phát sinh trên địa bàn địa phương được hưởng theo một tỷ lệ phần trăm (%) nhất định. Thu điều tiết phát sinh trong trường hợp các khoản thu cố định của địa phương không đáp ứng được nhiệm vụ và chỉ tiêu được giao.

Tỷ lệ điều tiết cho các cấp ngân sách Nhà nước được ổn định từ 3 đến 5 năm, tạo cho địa phương chủ động trong bố trí kế hoạch ngân sách hàng năm và khuyến khích đầu tư tạo nguồn thu. Người ta có thể gọi giai đoạn cố định tỷ lệ phần trăm của các khoản thu được điều tiết theo tỷ lệ phần trăm là thời kỳ ổn định ngân sách.

**– Các khoản thu điều tiết giữa ngân sách Nhà nước Trung ương và ngân sách Nhà nước cấp tỉnh gồm:** Thuế giá trị gia tăng, không kể thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu; Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập của các đơn vị hạch toán toàn ngành và thu nhập của hoạt động xổ số); Thuế thu nhập cá nhân; Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước; Phí xăng dầu.

Ngoài khoản thu điều tiết này, kết thúc năm ngân sách Nhà nước, nếu tỉnh hoàn thành vượt mức kế hoạch thu ngân sách Nhà nước Trung ương về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt thì ngân sách nhà nước ở địa phương còn được trích một phần theo tỷ lệ phần trăm của số tăng để để giữ lại cho ngân sách của địa phương, với tính chất là khoản thưởng cho ngân sách Nhà nước của địa phương đó.

– **Các khoản thu điều tiết giữa các cấp ngân sách Nhà nước tỉnh, ngân sách huyện và ngân sách xã gồm**: Thuế chuyển quyền sử dụng đất; Thuế nhà, đất; Thu tiền sử dụng đất; Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thuế tài nguyên; Lệ phí trước bạ nhà đất; Thuế tiêu thụ đặc biệt các mặt hàng sản xuất trong nước (trừ sản xuất rượu, bia, thuốc lá, pháo, xăng dầu, ô tô).

Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách Nhà nước các cấp chính quyền địa phương trong đó đối với các thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì tỷ lệ điều tiết tối đa không quá tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách Nhà nước Trung ương với ngân sách Nhà nước tỉnh, đối với các xã, thị trấn tối đa không quá tỷ lệ điều tiết được phân chia cho huyện.

Câu hỏi chương 4:

1. Đặc điểm cơ cấu các khoản thu của Ngân sách TW?
2. Tại sao giai đoạn cố định tỷ lệ phần trăm của các khoản thu được điều tiết theo tỷ lệ phần trăm là thời kỳ ổn định ngân sách?
3. Các khoản thu của ngân sách NN được nộp tại?:

a, kho bạc nhà nước

b, ngân hàng thương mại

c, người thu ngân sách là cơ quan Hải quan

d, tất cả các trường hợp trên

1. Thu ngân sách nhà nước có gồm các khoản viện trợ ODA không?

**CHƯƠNG 5: PHÁP LUẬT VỀ NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

5.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại,

5.2. Nguyên tắc chi NSNN

5.3. Quy định về chi thường xuyên

5.4. Quy định về chi cho đầu tư phát triển

5.5. Quy định về các khoản chi khác ( chi dự trữ QG)

5.1. Khái niệm, đặc điểm,, phân loại chi NSNN

5.1.1.Khái niệm: Là hoạt động chấp hành dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chi ngân sách NN là việc phân phối, sử dụng quỹ ngân sách NN đã cấp cho các hoạt động được xây dựng từ dự toán ngân sách. Đây là một mặt của hoạt động chấp hành NSNN gắn liền với quyền lực NN

5.1.2. Đặc điểm của hoạt động chi NSNN

* Nhà nước là chủ thể quyết định HĐ chi NN đồng thời là bên chủ thể tham gia quan hệ chi ngân sách
* Hoạt động chi NS là HĐ gắn liền với lợi ích vật chất của NN
* Nhà nước ban hành các quy phạm pháp luật để đảm bảo các quan hệ chi NS vận động phù hợp với lượi ích của XH và của chính mình

5.1.3. Phân loại chi NSNN

A, Chi thường xuyên: là tập hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xh phát sinh trong quá trình nn sử dụng vốn NS chi dùng cho các hđ mang tính chất thiết yếu, thường xuyên hàng năm của NN

B, Chi đầu tư phát triển: là tập hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xh phát sinh trong quá trình sử dụng vốn NS chi dùng cho việc thực hiện các nhiệm vụ đầu tư của nhà nước để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế- xh phát triển đất nước

C, chi khác: chi trả nợ lãi, chi dự trữ quốc gia, chi viện trợ.

Quy định tại Điều 5 Luật NSNN

5.2. **Nguyên tắc phân cấp các khoản chi**: Mỗi cấp chính quyền đc phân cấp nhiệm vụ chi cụ thể, nhiệm vụ chi của cấp nào do cấp đó đảm nhiệm, tăng chi phải có nguồn thu đáp ứng…cơ quan quản lý NN cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi phải chuyển kinh phí ngân sách cấp trên cho NS cấp dưới. Cấp trên hỗ trợ cho NS cấp dưới

***5.3. Nhiệm vụ chi ngân sách Nhà nước địa phương:***

Nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách Nhà nước địa phương phụ thuộc vào việc phân cấp quản lý hành chính – kinh tế của mỗi cấp chính quyền. Các khoản chi của từng cấp ngân sách Nhà nước địa phương nội dung có thể giống nhau nhưng khác nhau về mức độ và đối tượng chi. Chi ngân sách Nhà nước địa phương gồm:

– **Chi thường xuyên:**

+Chi cho các hoạt động sự nghiệp kinh tế, giáo dục đào tạo, y tế, xã hội, văn hoá thông tin, văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học công nghệ môi trường các hoạt động sự nghiệp khác do địa phương quản lý.

+Chi cho an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội (phần giao cho địa phương);

+Chi cho hoạt động của cơ quan nhà nước, Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội ở địa phương…

+Chi hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật

+Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý

+Chương trình quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương quản lý

+Trợ giá theo chính sách của nhà nước

*Quy định tại khoản 3 Điều 36 luật NSNN 2015*

**Chi đầu tư phát triển.**

a) Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

**5..4. Nhiệm vụ chi NSNN ở TW:**

**- Chi cho đầu tư phát triển:**

a) Đầu tư cho các dự án, bao gồm cả các dự án có tính chất liên vùng, khu vực của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi dự trữ quốc gia.

* 1. **Chi thường xuyên của TW:**

Chi của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Quốc phòng;

b) An ninh và trật tự, an toàn xã hội;

c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

d) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;

đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;

e) Sự nghiệp văn hóa thông tin;

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn;

h) Sự nghiệp thể dục thể thao;

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

k) Các hoạt động kinh tế;

l) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

**5.6. Vấn đề bội chi**

**5.6.1. Khái niệm:**

*Bội chi ngân sách nhà nước* bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh.

Bội chi ngân sách trung ương được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách trung ương không bao gồm chi trả nợ gốc và tổng thu ngân sách trung ương.

Bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh là tổng hợp bội chi ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương, được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách cấp tỉnh không bao gồm chi trả nợ gốc và tổng thu ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương.(Khoản 1 Điều 4 luật NSNN 2015)

**5.6.2.** Nguyên nhân: Có rất nhiều nguyên nhân về bội chi NSNN ở các cấp

VD: Tại NSTW. Do không cân đối nguồn thu. Thu ít mà chi nhiều, nhất là chi cho các dự án phát triển hạ tầng, các dự án này không đảm bảo tiến độ, đội vốn như dự án đường sắt trên cao tại HN.

Tại địa phương: nhiều địa phương thu rất ít hoặc không có nguồn thu nhưng chi lại rất nhiều nhất là chi vào các dự án như dự án thủy điện không hoạt hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả, dự án xây dựng nông thôn mới….Đào tạo

Giải pháp giải quyết bội chi:

* Vay để bù đắp bội chi
* Tăng thu
* Giảm chi

Trên nguyên tắc: Các khoản vay để bù đắp bội chi chỉ được dùng cho chi đầu tư phát triển, không được dùng cho chi thường xuyên.

CHƯƠNG 6: PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ QUỸ NSNN

6.1. Quỹ ngân sách:

6.1.1.Khái niệm: Quỹ Ngân sách NN là toàn bộ các khoản tiền của nhà nước, kể cả tiền vay có trên tài khoản của NSNN các cấp tại một thời điểm

*Khoản 18 Điều 4 Luật NSNN 2015.*

6.1.2. Đặc điểm của quỹ NS

* Được luật hóa cụ thể từ các nguồn thu bao gồm:

+ tiền có trên TK của NSTW, NS cấp tỉnh, huyện, xã

+ hình thành từ các nguồn thu về thuế, phí, lệ phí.

* Mỗi nguồn thu của quỹ NS NN phát sinh và vận động theo quy luật riêng ở mỗi thời điểm khác nhau
* Mục đích sử dụng phong phú tùy thuộc vào yêu cầu phát triển KT- XH
* Các khoản chi cụ thể khác nhau tùy thuộc vào mục đích chi

6.2. Quản lý quỹ NS

6.2.1. Khái niệm: là hoạt động của cơ quan NN có thẩm quyền nhằm tổ chức, thu nhận, bảo quản và phân phối các khoản tiền thuộc ngân sách nhà nước.

6.2.3. Đặc điểm quản lý quỹ NSNN

Là hoạt động quản lý NN, do cơ quan NN có thẩm quyền thực hiện, mang tính quyền lực

Thuộc loại hoạt động chấp hành và hành chính NN

Mục đích nhằm lập, phân phối và sử dụng quỹ

Căn cứ để thực hiện quản lý là dự toán NSNN đã được thông qua bằng hoạt động quản lý nguồn thu, kiểm soát chi

6.2.4. Mô hình tổ chức quản lý quỹ NSNN

* tập trung thống nhất ( quỹ chính phủ)
* Mô hình phân cấp quản lý ( chính phủ TƯ và địa phương)

6.2.5. Vai trò của quản lý quỹ NSNN

- Kiểm soát nguồn thu, chi đảm bảo cho quỹ NSNN được hình thành và sử dụng đúng mục đích, đúng quy định PL

- Giúp cơ quan NN thực hiện kế hoạch , điều hòa vốn NSNN đúng đối tượng, đảm bảo khả năng thanh toán chi trả khi có yêu cầu

6.3. Pháp luật về quản lý quỹ NS

6.3.1. Khái niệm: Pháp luật về quản lý quỹ NSNN là tập hợp các quy định pháp luật của cơ quan quản lý NSNN về quản lý NSNN nhằm đảm bảo quỹ hoạt động đúng mục đích, không thất thoát.

6.3.2. Nội dung điều chỉnh

6.3.2.1. Quy định về chủ thể quản lý quỹ NSNN

Về chủ thể quản lý quỹ NSNN hiện nay trên thế giới có các hình thức:

Một là, chủ thể là Kho bạc Nhà nước, đây là cơ quan thuộc CP có nhiệm vụ quản lý quỹ NSNN như ở Mỹ , Úc

Hai là, kho bạc thuộc Bộ Tài chính quản lý quỹ NSNN ( Pháp, Philipin)

Ba là, kho bạc thuộc ngân hàng TW quản lý quỹ NSNN( TQ, Liên Xô).

Tại VN, Kho bạc NN- đơn vị thuộc Bộ TC quản lý tập trung, thống nhất ngân quỹ NN

6.3.2.2. Quy định về trách nhiệm quản lý quỹ NSNN của kho bạc:

\* Kho bạc NN TW có nhiệm vụ quản lý NSNN ở TW

Nhiệm vụ chủ yếu là: Tập trung toàn bộ nguồn thu của Ngân sách NN ; Tổ chức thực hiện hạch toán; Kiểm soát, thanh toán, chi trả các khoản chi của NSNN

\* Kho bạc NN tại địa phương có nhiệm vụ quản lý quỹ NSNN cấp tỉnh bao gồm:

Tập trung các khoản thu của địa phương đã được phân cấp theo Luật định; kiểm soát chi, thực hiện cấp phát, chi trả các khoản chi của NSNN cấp tỉnh

\* Kho bạc NN cấp huyện, quận có nhiệm vụ quản lý quỹ NSNN cấp huyện, quận

Tập trung các khoản thu của địa phương đã được phân cấp theo Luật định; kiểm soát chi, cấp phát, chi trả các khoản chi của NSNN TƯ và NS tỉnh trên địa bàn do kho bạc NN cấp TƯ và kho bạc NN cấp tỉnh chuyển xuống.

Nhiệm vụ của cơ quan tài chính: phối hợp với kho bạc điêù hành và tổ chức công tác thu NS, rà soát, đối chiếu các khoản thu căn cứ vào dự toán thu đã được phê duyệt đảm bảo các khoản thu chính xác, đầy đủ đúng mục đích, đúng tỷ lệ…

- Thẩm định báo cáo quyết toán thu NSNN cấp dưới, tập hợp và lập báo cáo quyết toán thu NSNN thuộc phạm vi quản lý

- Bố trí nguồn để đáp ứng nhu cầu chi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi tiêu và sử dụng ngân sách ở các đơn vị sử dụng NSNN, phát hiện và xử lý kịp thời các khoản chi sai, chi vượt chế độ quy định( Thanh tra tài chính)

Nhiệm vụ của các cơ quan thu ngân sách NN:

Cơ quan thuế: Hải quan, thuế, tài chính.. Có trách nhiệm phối hợp với kho bạc trong việc xác định đối tượng thu, nộp NSNN. Trực tiếp thu và nộp cho kho bạc

Có trách nhiệm tính toán xác định mức thu, kiểm tra, xem xét đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh mức thu, đề xuất tài chính hoàn trả thu khi không phù hợp.

Câu hỏi:

1. Quỹ ngân sách nhà nước là gì? Tại sao phải quản lý quỹ ngân sách NN?
2. Các cơ quan quản lý quỹ NSNN là tổ chức nào? Có nhiệm vụ và quyền hạn gì?
3. Phân tích sự phối hợp của các cơ quan công quyền trong lĩnh vực quản lý quỹ NSNN ở VN
4. Ông giám đốc kho bạc nhà nước tại huyện miền núi phía bắc, đã đồng ý cho một doanh nghiệp khai thác khoáng sản vay 5 tỷ đồng trong 3 tháng bằng hợp đồng vay nợ có lãi xuất

Hỏi: Cho biết các yếu tố về hợp đồng cho vay trên

CHƯƠNG 7: PHÁP LUẬT VỀ KIỂM TOÁN, KIỂM TRA, THANH TRA, GIÁM SÁT NSNN

**NỘI DUNG 3: CÁC SẮC THUẾ**

1. Những vấn đề lý luận về thuế
   1. **Khái niệm về thuế: Có nhiều cách nhìn về thuế theo các góc độ sau:**

\* Góc độ kinh tế: Thuế là công cụ phân phối Nhà nước sử dụng để động viên một phần thu nhập của các tổ chức kinh tế và dân cư, hình thành nên quỹ tiền tệ tập trung đáp ứng nhu cầu chi tiêu của nhà nước.

\* Góc độ pháp lý: Thuế là nghĩa vụ tài chính bắt buộc mà các tổ chức kinh tế và người dân phải nộp cho nhà nước theo quy định của pháp luật với 2 đặc điểm cơ bản: Là khoản thu bắt buộc và có ảnh hưởng trên phạm vi lãnh thổ.

1.2. Phân loại thuế: Thuế trực thu: Đánh trực tiếp vào người nộp thuế

* Thuế gián thu: đánh gián tiếp thông qua giá cả hàng hóa, dịch vụ...

1.3. Nguyên tắc đánh thuế: là hệ thống các quan điểm chỉ đạo chi phối sâu sắc việc đề ra hoặc xóa bỏ hệ thống thuế của 1 quốc gia.

Các nguyên tắc bao gồm:

* Nguyên tắc công bằng
* Đảm bảo lợi ích giữa NN và người nộp thuế
* Các phương pháp, phương thức đánh thuế phải đảm bảo dễ hiểu, dễ thực hiện, tuân thủ, đạt hiệu quả
* Không được đánh thuế nhiều lần cùng 1 đối tượng, cùng 1 loại hàng hóa.

1. Pháp luật thuế

Khái niệm: là tập hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực thuế bao gồm các quy phạm quy định về nội dung của các sắc thuế và các quy phạm điều chỉnh các quan hệ trong việc thu thuế, nộp thuế vào ngân sách nhà nước

1. Nội dung điều chỉnh của pháp luật về thuế
   1. Điều chỉnh về đối tượng nộp thuế
   2. Điều chỉnh về đối tượng thu thuế
   3. Điều chỉnh về căn cứ tính thuế, thuế suất, cách tính thuế, thu thuế
   4. Điều chỉnh về việc miễn , giảm thuế
   5. Điều chỉnh về chế tài vi phạm pháp luật thuế

*Vai trò của* pháp luật thuế

Tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng và ổn định cho nguồn thu,tập trung tích lũy vào ngân sách nhà nước, đáp ứng nhu cầu chi tiêu của NN(thu thuế chiếm 90% tổng thu ngân sách NN)

Là công cụ quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế

Tạo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế; sử dụng để kiểm tra gián tiếp hoạt động sản xuất KD.

**CHƯƠNG 8: PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT)**

* 1. Khái niệm, đặc điểm của thuế VAT:

Khái niệm: thuế VAT là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. **(**Điều 2 Luật VAT 2016).

Đặc điểm của Thuế VAT: Là thuế gián thu, đánh vào tiêu dùng hàng hóa dịch vụ. Đối tượng chịu thuế rộng. Chỉ tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ.

Tổng số thuế GTGT phải nộp qua các khâu chính là số thuế cuối cùng tính trên tổng giá trị hàng hóa Dv mà người tiêu dùng phải gánh chịu.

VD: Cơ quan A mua về cho đơn vị 10 máy điều hòa nhiệt độ từ siêu thị Metro, mỗi máy có giá là 15 triệu, thuế VAT của loại hàng này là 10%.Số tiền cơ quan A phải trả ghi trên hóa đơn bán hàng là 165 triệu. Trong đó có 15 triệu là thuế giá trị gia tăng

8.2. Pháp luật về thuế VAT

Khái niệm: *Pháp luật về thuế GTGT là tổng hợp các quy phạm PL do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình đăng ký, kê khai, nộp thuế, quản lý và quyết toán thuế GTGT.*

Đặc điểm: Tác động sâu, rộng đến tất cả đối tượng trong XH có thu nhập, mang tính phổ biến; Chỉ được ban hành khi các điều kiện áp dụng đạt đến mức độ nhất định.( chứng từ, kế toán, khả năng quản lý việc thu thuế)

**GTGT = Tổng GT hàng hóa, dv bán ra - Tổng GT hàng hóa dv mua vào**